

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2019/HNGĐ - ST

Ngày 31-10-2019

“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Tân

Cán bộ Trung tâm văn hóa thành phố L

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

Cán bộ tư pháp phường Mỹ X – thành phố L

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 569/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Hồng N, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: Số 207/3A, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Phạm Thành H, sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Số 01, đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Võ Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M vào ngày 22/01/2018, đây là hôn nhân lần thứ nhất của chị N và lần thứ hai của anh H. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên vắng nhà không rõ lý do, không chia sẻ tình cảm trong đời sống vợ chồng, sống bên gia đình nhà vợ nhưng anh H không tôn trọng, không hòa nhập, chị N đã có nhắc nhở nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi nên cả hai đã ly thân nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung tên Phạm Đức C, sinh ngày 23/11/2018. Hiện con chung đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

* Tại bản tự khai ngày 18/9/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn Phạm Thành H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H thống nhất về thời gian tìm hiểu và tiến đến hôn nhân như chị N trình bày. Đây là lần kết hôn thứ hai của anh, quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị N nhắc nhở anh có sửa đổi, hiện tình cảm vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N, yêu cầu chị N cho cơ hội để vợ chồng hàn gắn.

Về con chung: Thống nhất với chị N có 01 con chung tên Phạm Đức C, sinh ngày 23/11/2018. Hiện con chung đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N thì anh H yêu cầu được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

* Nguyên đơn Võ Thị Hồng N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về hôn nhân, về con chung, về cấp dưỡng, về chung và tài sản chung.

* Bị đơn Phạm Thành H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn; Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nếu chị N vẫn kiên quyết ly hôn, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Võ Thị Hồng N và anh Phạm Thành H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn đăng ký thường trú tại phường M, thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao trích lục kết hôn số 252/TLKH-BS ngày 18/4/2019 (đăng ký số 02 ngày 22/01/2018) của Ủy ban nhân dân phường M thể hiện nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị N và anh H đều thống nhất vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi không còn tình cảm với nhau. Tuy nhiên, anh H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N, mục đích nhằm để duy trì hạnh phúc gia đình, chăm lo cho con chung.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tin tưởng nhau và

chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương, nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, chị Nhung vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn nhưng anh H không đồng ý, Tòa án đã hòa giải, phân tích mâu thuẫn, tạo điều kiện cho anh H hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N nhưng không có kết quả, nguyên nhân là do cả hai đã ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ nhau và thực hiện các công việc trong gia đình nên mục đích hàn gắn hôn nhân của anh H không đạt được, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng. Do đó, việc nguyên đơn Võ Thị Hồng N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Thành H là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung tên Phạm Đức C, sinh ngày 23/11/2018, hiện chị N đang chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh H và chị N đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện cháu Phạm Đức C được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, cần được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần và đảm bảo cho việc học hành cho con chung sau này, cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh của chị N. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Đức C. Chị N và gia đình của chị N phải tạo điều kiện cho anh H được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng: Anh H không phải cấp dưỡng do chị N không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị N, anh H thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Võ Thị Hồng N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Hồng N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Hồng N được ly hôn với anh Phạm Thành H.

[2] Về con chung: Chị Võ Thị Hồng N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Đức C, sinh ngày 23/11/2018. Chị N và gia đình của chị N phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh H được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không phải cấp dưỡng, do chị N không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Võ Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào

tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005076 ngày 28/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

(Giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A Dân sự TPL;
- VKSND TPL;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- **UBND phường M;**
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam